TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------- **

Bản án số: 420 /2024/HNGĐ
Ngày 21/8/2024
Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B , THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huệ

Ông Nguyễn Minh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận **B** .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa*: Bà Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận **B** , xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số74/2024/QĐ - ST ngày 11/7/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 67/2024/QĐ – ST ngày 29/7/2024 , giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng T , sinh năm 1981

HKTT+ cư trú: Số 3, ngõ 477 đường N, phường T, quận T, Thành phố **H** .

(Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Chị Vương Thị Thanh N , sinh năm 1981

HKTT+ cư trú: Số 5 ngách 195/66 phố T, TDP H, phường C, quận **B** , Thành phố **H** .

(Vắng mặt tại phiên toà)

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T :

Bà Trần Thị H; Bà Phạm Thị L– Luật sư Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư thành phố **H**

(Bà H có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Hoàng T trình bày:***

anh và chị Vương Thị Thanh **N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố **H** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 151/2020 do UBND phường L cấp ngày 21/12/2020.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng anh không hoà thuận, thường xuyên cãi vã, anh, chị không cùng quan điểm lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng. Chị **N** hay gây chuyện với bố mẹ anh. Vì

vậy, vợ chồng đã ly thân 15 tháng (từ ngày 25/10/2022), chị **N** đã đưa con về nhà mẹ đẻ sống từ đó đến nay.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, những mâu thuẫn gia đình kéo dài lên tới đỉnh điểm, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đã có đơn gửi tới Tòa án nhân dân quận **B** xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vương Thị Thanh **N**.

Về con chung: Anh và chị Vương Thị Thanh **N** có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng **Đ**, sinh ngày 18/02/2021. Từ ngày sinh cháu **Đ**, đều do một tay anh và bố mẹ anh chăm sóc chu đáo. Tuy nhiên do mâu thuẫn vợ chồng, chị **N** đã đưa cháu **Đ** về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên anh đề nghị: Giao cháu Nguyễn Hoàng **Đ** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh có quyền được thăm nom, chăm sóc và đưa đón con.

Về vấn đề cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hoàng **Đ**: Do hiện tại anh chưa có việc làm, không có thu nhập nên anh không có khả năng cấp dưỡng cho cháu **Đ**.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn là chị Vương Thị Thanh N trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Hoàng **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, quận Đ, Thành phố **H** ngày 21/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do gia đình nhà chồng đã cư xử không đúng với chị, chị không tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở mà do gia đình nhà chồng đánh đuổi chị, không cho chị ở cùng nên chị phải bế con đi. Vợ chồng không có gì mâu thuẫn, anh **T** nghe bố mẹ và không làm chủ được bản thân nên mới làm đơn xin ly hôn chứ không phải do anh **T** muốn ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị vẫn còn yêu anh **T** nên đề nghị Toà án hoà giải đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng **Đ**, sinh ngày 18/02/2021. Nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nhà đất, công nợ: Anh, chị không có tài sản chung gì, cũng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, chị **N** không trình bày thêm ý kiến hoặc có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày tại phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Toà án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, chị **N** đến Toà làm việc nhưng không ký biên bản là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố

tụng dân sự. Hiện chị **N** cùng gia đình bán nhà chuyển đi nơi khác sinh sống không để lại địa chỉ cư trú mới. Toà án được thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng nhưng chị **N** vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị **N** là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Anh Nguyễn Hoàng **T** và chị Vương Thị Thanh **N** đăng ký kết hôn tại UBND phường L, quận Đ, Thành phố **H** ngày 21/12/2020 trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu nhau. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Toà án đã lấy lời của chị **N** , chị **N** có ý kiến hoà giải đoàn tụ nhưng sau đó chị **N** thay đổi lời khai thống nhất ly hôn nhưng chị **N** không ký biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải của Toà án. Anh **T** , chị **N** cùng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người ở một nơi. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàng **T** đối với chị Vương Thị Thanh **N** là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T** .

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng **Đ** , sinh ngày 18/02/2021. Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Hoàng **Đ** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng **T** đối với chị Vương Thị Thanh **N** .

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng **Đ** , sinh ngày 18/02/2021 cho chị Vương Thị Thanh **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **N** không yêu cầu. Anh **T** có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét – do không có yêu cầu

- Về án phí: chị Nguyễn Hoàng **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân giữa anh **T** và chị **N** xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hoà giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Toà án cho ly hôn để giải thoát cho nhau.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng **Đ** , sinh ngày 18/02/2021. Đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Hoàng **Đ** , sinh ngày 18/02/2021 cho chị Vương Thị Thanh **N** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **N** không yêu cầu. Anh **T** có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công nợ chung: anh **T** , chị **N** không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Chị Vương Thị Thanh **N** HKTT+ cư trú tại số 5, ngách 195/66 phố Trần Cung, TDP Hoàng 9, phường Cổ Nhuế 1, quận **B** , Thành phố **H** , anh **T** có đơn xin ly hôn với chị **N** , căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận **B** thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** đã cùng gia đình bán nhà chuyển đi nơi khác, nhưng không thông báo cho Toà án, không thông báo cho anh **T** địa chỉ cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/ NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Vương Thị Thanh **N** đã được Toà án triệu tập hợp lệ chị **N** đã đến Toà án làm việc nhưng không ký biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải… Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú cuối cùng của chị **N** nhưng chị **N** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Việc chị **N** không đến tham gia phiên toà là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị **N** là đúng quy định của pháp luật.

[3].Về nội dung: Anh Nguyễn Hoàng **T** và chị Vương Thị Thanh **N** **Đ** ký kết hôn tại UBND phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố **H** ngày 21/12/2020, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù chị **N** đề nghị Toà án hoà giải đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Sau đó cũng có ý kiến nhất trí ly hôn nhưng không ký biên bản hoà giải nên Toà án lập được biên bản hoà giải thành và ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự. Nhưng điều đó cũng thể hiện tình trạng vợ chồng giữa anh **T** , chị **N** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Anh **T** có đơn xin ly hôn, chị **N** cũng đồng lý theo nguyên vọng của anh **T** nhưng không ký biên bản và không đến tham gia phiên toà. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T** đối với chị **N** .

- Về con chung: Hai bên xác định có 01 con chung là: Nguyễn Hoàng **Đ** , sinh ngày 18/02/2021. Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **T** cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX giao cháu Nguyễn Hoàng **Đ** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **T** đến khi chị **N**

có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh **T** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: anh **T** phải chịu toàn bộ án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 227, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng **T** đối với chị Vương Thị Thanh **N** . Anh **T** được ly hôn với chị **N**

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng **Đ** , sinh ngày 18/02/2021cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **T** đến khi chị **N** có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh **T** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng **T** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021311 ngày 26/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận **B** .

5. Về quyền kháng cáo: Anh **T** có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Chị **N** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
-VKSND quận **B**
-Chi cục THADS quận **B**
-Đương sự

Lê Thị Tuyết